TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/DS-ST
Ngày: 18 - 5 - 2026
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Kiều Thị Thắng

Bà Hoàng Thị Hanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Hoàng Mậu Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2025/TLST- DS ngày 06 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Địa chỉ: Tầng A (Tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower, số A P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng giám đốc

* Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Đình H – Giám đốc THN trực tiếp và XLN – Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Địa chỉ: Tầng D, tòa nhà C, số D T, phường K, thành phố Hà Nội.

* Người được ủy quyền lại:

Bà Nguyễn Thị Thu P– Cán bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (có mặt);

Bà Nguyễn Thị L – Cán bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (vắng mặt);

Đều địa chỉ: Tầng D, tòa nhà C, số D T, phường K, thành phố Hà Nội

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà Nguyễn Thị L1 vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (viết tắt là Ngân hàng) theo Hợp đồng tín dụng số 4579977.22 ngày 06/8/2022: Số tiền vay 230.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi triệu đồng), số tiền giải ngân 230.000.000 đồng theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4579977(1).22 ngày 06/8/2022. Ngày giải ngân 06/8/2022, phương thức giải ngân tiền mặt. Mục đích vay mua xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu KIA FRONTIER theo Hợp đồng mua bán số 243/2022 ngày 08/7/2022 để phục vụ kinh doanh. Thời hạn vay 60 tháng, từ ngày 07/8/2022 đến 06/8/2027. Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 10.40%/năm; lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng; hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4.3%/năm. Phương thức hoàn trả nợ: Hoàn trả nợ gốc hàng tháng vào ngày 30; ngày trả nợ đầu tiên 30/8/2022, mỗi tháng trả 3.835.000 đồng, số còn lại trả vào kỳ cuối của khoản vay. Hoàn trả lãi hàng tháng vào ngày 30; ngày trả lãi đầu tiên 30/8/2022. Lãi suất trong hạn tại thời điểm hiện nay là 15,2%/năm.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là: 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại: FRONTIER, biển kiểm soát: 88C-230.85, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 88 000156 do Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) cấp ngày 01/8/2022 được thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 8043038.22 ngày 06/8/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà L1 theo đúng Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4579977(1).22 ngày 06/8/2022. Tổng số tiền đã giải ngân là 230.000.000 đồng.

Tính đến hết ngày 18/5/2026, bà L1 đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 188.382.408 đồng, trong đó nợ gốc 126.555.000 đồng, nợ lãi trong hạn 61.358.701 đồng, nợ lãi quá hạn 468.707 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà L1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 30/5/2025 và áp dụng mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà L1 thanh toán các khoản nợ nhưng bà L1 không thực hiện thanh toán.

Tính đến hết ngày 18/5/2026, bà L1 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 126.304.834 đồng, trong đó nợ gốc 103.445.000 đồng, nợ lãi trong hạn 3.786.946 đồng, nợ lãi quá hạn 19.072.888 đồng.

Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L1 phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và các khoản tiền phát sinh theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ, tính đến hết ngày 18/5/2026 tổng số tiền là 126.304.834 đồng, trong đó nợ gốc 103.445.000 đồng, nợ lãi trong hạn 3.786.946 đồng, nợ lãi quá hạn 19.072.888 đồng.

Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ cho đến ngày bà Nguyễn Thị L1 thực tế thanh toán hết các

khoản nợ cho Ngân hàng bao gồm: Lãi suất sau ngày xét xử đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán là 15.2%/năm*150% = 22.8%/năm. Lãi suất sau ngày xét xử đối với khoản lãi trong hạn chưa thanh toán là 10%/năm.

Trường hợp bà Nguyễn Thị L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Nguyễn Thị L1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L1, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các Thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn; tuy nhiên bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 295, 299, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91, khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q. Buộc bà Nguyễn Thị L1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 18/5/2026 là 126.304.834 đồng, trong đó nợ gốc 103.445.000 đồng, nợ lãi trong hạn 3.786.946 đồng, nợ lãi quá hạn 19.072.888 đồng.

Kể từ ngày 19/5/2026 cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị L1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi với mức lãi suất là 22,8%/năm/số dư nợ gốc chưa trả và tiền lãi trong hạn chưa thanh toán là 10%/năm theo Hợp đồng tín dụng số 4579977.22 ngày 06/8/2022.

Trường hợp, bà Nguyễn Thị L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 8043038.22 ngày 06/8/2022 là: 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại: FRONTIER, biển kiểm soát: 88C-230.85, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 88 000156 do Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) cấp ngày 01/8/2022.

Trường hợp, sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì bà Nguyễn Thị L1 tiếp tục phải trả khoản nợ còn thiếu cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L1 phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L1 phải trả tiền vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, mục đích vay để phục vụ kinh doanh; bà L1 có địa chỉ cư trú tại

xã Đ, tỉnh Phú Thọ và không có đăng ký kinh doanh nên đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng tín dụng được giao kết giữa các bên có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự, đúng quy định tại các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 Bộ luật dân sự, nên hợp đồng tín dụng phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị L1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bà L1 phải trả Ngân hàng tổng số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày 18/5/2026 là 126.304.834 đồng, trong đó nợ gốc 103.445.000 đồng, nợ lãi trong hạn 3.786.946 đồng, nợ lãi quá hạn 19.072.888 đồng.

Xét thấy, bị đơn bà Nguyễn Thị L1 không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự được coi là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Việc bà L1 không trả Ngân hàng số tiền gốc, lãi theo đúng thời hạn quy định tại hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.1] Đối với lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ: Tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*. Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn: *"1. Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất.*

2. Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất".

Xét thấy, lãi suất thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có ý kiến phản đối về lãi suất áp dụng, không có

đề nghị thỏa thuận lại lãi suất, nên cần giữ nguyên thỏa thuận giữa các bên. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về lãi suất sau ngày xét xử được Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể: Lãi suất sau ngày xét xử đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán là 15.2%/năm*150% = 22.8%/năm. Lãi suất sau ngày xét xử đối với khoản nợ lãi trong hạn chưa thanh toán là 10%/năm.

[3.2] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà Nguyễn Thị L1 đã thế chấp tài sản là 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại: FRONTIER, biển kiểm soát: 88C-230.85, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 88 000156 do Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) cấp ngày 01/8/2022 được thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 8043038.22 ngày 06/8/2022. Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm trên Hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục đăng ký giao dịch bảo đảm và bồi thường Nhà nước – Bộ Tư pháp ngày 06/8/2022.

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã yêu cầu bà L1 đưa tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại: FRONTIER, biển kiểm soát: 88C-230.85 đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Phú Thọ để tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ nhưng bà L1 không thực hiện.

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải được ký kết giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối; nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật và đã được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên phát sinh hiệu lực. Do đó, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bà L1 không trả được nợ cho Ngân hàng là phù hợp cần chấp nhận.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Đối với chi phí tố tụng, nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 295, 299, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91, khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q. Buộc bà Nguyễn Thị L1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 18/5/2026 là 126.304.834 đồng (*Một trăm hai mươi sáu triệu, ba trăm linh tư nghìn, tám trăm ba mươi tư đồng*), trong đó nợ gốc 103.445.000 đồng, nợ lãi trong hạn 3.786.946 đồng, nợ lãi quá hạn 19.072.888 đồng

Kể từ ngày 19/5/2026 (ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị L1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi với mức lãi

suất là 22,8%/năm/số dư nợ gốc chưa trả và tiền lãi trong hạn chưa thanh toán là 10%/năm theo Hợp đồng tín dụng số 4579977.22 ngày 06/8/2022.

Trường hợp, bà Nguyễn Thị L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 8043038.22 ngày 06/8/2022 là: 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại: FRONTIER, biển kiểm soát: 88C-230.85, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 88 000156 do Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) cấp ngày 01/8/2022.

Trường hợp, sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì bà Nguyễn Thị L1 tiếp tục phải trả khoản nợ còn thiếu cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí và chi phí tố tụng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L1 phải chịu 6.315.000 đồng (*Sáu triệu ba trăm mười lăm nghìn đồng*).

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q không phải chịu án phí, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.667.000 đồng (*Hai triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004755 ngày 04/11/2025 của phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Phú Thọ.

Về chi phí tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Hạnh